

PHỤ LỤC I
Danh mục các dự án đầu tư xây dựng hệ thống đường sắt đô thị ngầm
(Kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày/...../2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

TT	Tuyến/đoạn tuyến	Hướng tuyến	Tổng chiều dài	Đi trên cao	Đi ngầm	Số lượng ga			Ghi chú
			(km)	(km)	(km)	Trên cao	Ngầm	Tổng	
1	Tuyến 2: Nội Bài - Thượng Đình - Bưởi		47,3	28,4	18,9	17	16	33	
1.1	Đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo	Nam Thăng Long - Nguyễn Văn Huyền - Thụy Khuê - Phan Đình Phùng - Hàng Bài	11,5	2,6	8,9	3	7	10	
1.2	Trần Hưng Đạo - Thượng Đình	Hàng Bài - Phố Huế - Đại Cồ Việt - Chùa Bộc - Tây Sơn - Thượng Đình	5,9		5,9		6	6	Điều chỉnh theo Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 đoạn Trần Hưng Đạo - Chợ Mơ - Ngã Tư Sở - Hoàng Quốc Việt (6,7km đi ngầm)
1.3	Nam Thăng Long - Nội Bài	Nam Thăng Long - Phú Thượng - Võ Nguyên Giáp - Nội Bài	19,7	15,6	4,1	9	3	12	
1.4	Đoạn kéo dài đi Sóc Sơn	Nội Bài - QL3 - Sóc Sơn	10,2	10,2		5		5	
2	Tuyến 3: Trôi - Nhón - Yên Sở		57,3	44,5	12,8	22	11	33	
2.1	Đoạn Nhón - Ga Hà Nội	Nhón - Cầu Diễn - Hồ Tùng Mậu - Xuân Thủy - Cầu Giấy - Kim Mã - Cát Linh - Ga Hà Nội	12,5	8,5	4	8	4	12	Đang thi công đoạn đi ngầm Cầu Giấy - Ga Hà Nội
2.2	Đoạn Ga Hà Nội - Yên Sở	Ga Hà Nội - Trần Hưng Đạo - Trần Thánh Tông - Kim Ngưu - Tam Trinh - Yên Sở	8,8		8,8		7	7	
2.3	Đoạn Nhón - Trôi và kéo dài đi Sơn Tây	Nhón - QL 32 - Sơn Tây	36	36		14		14	
3	Tuyến 4: Mê Linh - Sài Đồng - Liên Hà	Mê Linh - Đông Anh - Sài Đồng - Vĩnh Tuy - Vành đai 2,5 - Cổ Nhuế - Liên Hà	54	41	13	30	11	41	
4	Tuyến 5: Văn Cao - Hòa Lạc	Văn Cao - Ngọc Khánh - Trần Duy Hưng - Đại lộ Thăng Long - Vành đai 4 - Hòa Lạc	38,4	31,9	6,5	12	8	20	Các chỉ tiêu thống kê tại phụ lục chỉ mang tính chất định hướng và sẽ được xác định cụ thể hóa trong quá trình triển khai lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, lập dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt.
5	Tuyến 8: Sơn Đồng - Mai Dịch - Vành đai 3 - Lĩnh Nam - Dương Xá	Sơn Đồng - Mai Dịch - Vành đai 3 - Lĩnh Nam - Dương Xá	40,25	25,25	15	14	12	26	
6	Tuyến 1A: Ngọc Hồi - Sân bay thứ 2 phía Nam	Ngọc Hồi - Đường Ngọc Hồi_Phủ Xuyên - Sân bay thứ 2 phía Nam	29	27	2	9	1	10	
7	Tuyến 10: Cát Linh - Láng Hạ - Lê Văn Lương - Yên Nghĩa	Cát Linh - Láng Hạ - Lê Văn Lương - Tổ Hữu - Nguyễn Thanh Bình - Yên Nghĩa	12	8	4	7	5	12	
8	Tuyến 11: Vành đai 2 - Trục phía Nam - Sân bay thứ 2 phía Nam	Vành đai 2 - Đường Hà Nội_Xuân Mai - Đường trục phía Nam - Sân bay thứ 2 phía Nam	42	33	9	12	4	16	
TỔNG CỘNG			320,25	239,05	81,2	123	68	191	

PHỤ LỤC II-a

Danh mục đầu tư xây dựng hầm giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày/...../2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

TT	Loại công trình	Vị trí/Địa điểm	Chiều dài (m)	Tình trạng dự án	Ghi chú
1	Hầm giao thông đường bộ	Hoàng Quốc Việt - Phạm Văn Đồng	600	Dự kiến đầu tư	Chiều dài là dự kiến
2		Cổ Linh - cầu Vĩnh Tuy (Vành đai 2)	500	Dự kiến đầu tư	Chiều dài là dự kiến
3		Mễ Trì - Dương Đình Nghệ - Vành đai 4	565	Dự kiến đầu tư	Chiều dài là dự kiến
4		Tây Thăng Long - Vành đai 4	800	Dự kiến đầu tư	Chiều dài là dự kiến
5		Vành đai 3,5 - Đại lộ Thăng Long	975	Dự kiến đầu tư	Chiều dài là dự kiến
	TỔNG CỘNG: 05 CÔNG TRÌNH		3.440		

PHỤ LỤC II-b

Danh mục đầu tư xây dựng bãi đỗ xe ngầm và công trình công cộng ngầm trên địa bàn thành phố Hà Nội
(Kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày/...../2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

TT	Loại công trình	Vị trí/Địa điểm	Diện tích đất (m ²)	Quy mô công trình ngầm		Ghi chú
				Số tầng hầm (tầng)	Tổng diện tích sàn (m ²)	
1	Bãi đỗ xe ngầm	Khu vực chợ Đồng Xuân	3,700	3	11,100	- Theo Quy hoạch chung không gian xây dựng ngầm đô thị trung tâm thành phố Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 - Các chỉ tiêu thống kê tại phụ lục chỉ mang tính chất định hướng và sẽ được xác định cụ thể hóa trong quá trình triển khai lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, lập dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt.
2		Khu vực Phùng Hưng, vườn hoa Bát Đàn	3,000	3	9,000	
3		Khu đất nhà in Báo nhân dân	1,700	1		
4		Khu vực Quảng trường 19/8	11,350	4	6,800	
5		Khu vực dự kiến cây xanh Bệnh viện phụ sản	3,500	3	11,350	
6		Khu vực sân cung Văn hóa Hữu nghị Việt Xô	10,000	3	10,500	
7		Khuôn viên Bảo tàng Hồ Chí Minh	6,300	1	6,300	
8		Khu vực phía Bắc đường Thụy Khuê	5,000	1	5,000	
9		Khu tập thể Bảo tàng Hồ Chí Minh	6,000	3	18,000	
10		Khu làm việc của Chính phủ và Văn phòng	5,000	1	5,000	
11		Ô quy hoạch K (vườn hoa Hàng Đậu)	2,000	3	6,000	
12		Ô quy hoạch K (đất cây xanh gần phố Phó Đức Chính)	2,500	3	7,500	
13		Ô quy hoạch A (đất cây xanh trong nút giao thông Bưởi)	6,300	3	18,900	

TT	Loại công trình	Vị trí/Địa điểm	Diện tích đất (m ²)	Quy mô công trình ngầm		Ghi chú
				Số tầng hầm (tầng)	Tổng diện tích sàn (m ²)	
14	Bãi đỗ xe ngầm	Ô quy hoạch G (đất cây xanh phố Nguyễn Công Hoan)	8,800	3	26,400	- Theo Quy hoạch chung không gian xây dựng ngầm đô thị trung tâm thành phố Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 - Các chỉ tiêu thống kê tại phụ lục chỉ mang tính chất định hướng và sẽ được xác định cụ thể hóa trong quá trình triển khai lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, lập dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt
15		Ô quy hoạch A (đất cây xanh nút giao giữa phố Vĩnh Phúc và khu 7,2ha Vĩnh Phúc)	1,100	3	3,300	
16		Ô quy hoạch H (đất cây xanh cạnh trung tâm chiếu phim quốc gia)	11,000	3	33,000	
17		Ô quy hoạch A (khu vực sân nhà thi đấu Quận Ngựa)	11,200	3	33,600	
18		Ô quy hoạch C (trong công viên Thủ Lệ)	16,800	3	50,400	
19		Ô quy hoạch H (trong công viên Thành Công)	9,500	3	28,500	
20		Ô quy hoạch A (đất cây xanh cạnh bệnh viện Phổi trung ương)	2,400	3	7,200	
21		Ô quy hoạch E (đất cây xanh phía Nam công ty bia Hà Nội)	10,000	3	30,000	
22		Ô quy hoạch C (nút giao thông Voi Phục)	10,000	3	30,000	
23		Bãi đỗ xe đầu đường Láng (đoạn nút giao Ngã Tư Sở)	9,700	3	29,100	
24		Bãi đỗ xe dự kiến nằm trong SVĐ Hàng Đẫy	20,000	3	60,000	
25		Bãi đỗ xe hồ Linh Quang	3,000	3	9,000	
26		Bãi đỗ xe vị trí cây xăng Nam Đồng cũ	400	3	1,200	
27		Bãi đỗ xe vị trí khu ngoại giao đoàn Trung Tự	1,700	3	5,100	

TT	Loại công trình	Vị trí/Địa điểm	Diện tích đất (m ²)	Quy mô công trình ngầm		Ghi chú
				Số tầng hầm (tầng)	Tổng diện tích sàn (m ²)	
28	Bãi đỗ xe ngầm	Bãi đỗ xe nằm trong khu vực cây xanh (kết hợp bãi đỗ xe trước trường Đại học Công Đoàn)	3,100	3	9,300	- Theo Quy hoạch chung không gian xây dựng ngầm đô thị trung tâm thành phố Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 - Các chỉ tiêu thống kê tại phụ lục chỉ mang tính chất định hướng và sẽ được xác định cụ thể hóa trong quá trình triển khai lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, lập dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt
29		Bãi đỗ xe nằm trong khu vực cây xanh (kết hợp bãi đỗ xe trước trường Đại học Thủy Lợi)	2,200	3	6,600	
30		Bãi đỗ xe Kim Liên 1	700	3	2,100	
31		Bãi đỗ xe Kim Liên 2	2,600	3	7,800	
32		Bãi đỗ xe Kim Liên 3	2,600	3	7,800	
33		Bãi đỗ xe Phương Mai 1	700	2	1,400	
34		Bãi đỗ xe Phương Mai 2	1,100	3	3,300	
35		BĐX ngầm kết hợp trồng cây xanh tại số 295 Lê Duẩn	10,393	3	16,950	
36		BĐX ngầm trong CV Thống Nhất vị trí giáp đường Trần Nhân Tông	2,300	5	11,500	
37		BĐX ngầm trong CV Thống Nhất vị trí giáp đường Nguyễn Đình Chiểu	2,000	5	10,000	
38		BĐX ngầm trong CV thống nhất vị trí giáp trường tiểu học Tây Sơn	1,600	5	8,000	
39		BĐX kết hợp trong khu CCĐT16, vị trí hiện tại là Bộ Xây Dựng	0	1	3,750	
40		BĐX kết hợp trong khu CX2, vị trí hiện tại là Bộ Xây Dựng	0	3	4,500	

TT	Loại công trình	Vị trí/Địa điểm	Diện tích đất (m ²)	Quy mô công trình ngầm		Ghi chú
				Số tầng hầm (tầng)	Tổng diện tích sàn (m ²)	
41	Bãi đỗ xe ngầm	BĐX kết hợp trong khu CCĐT2 - ô A2, vị trí hiện tại là chợ Hòm Đức Viên	0	1	5,900	- Theo Quy hoạch chung không gian xây dựng ngầm đô thị trung tâm thành phố Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 - Các chỉ tiêu thống kê tại phụ lục chỉ mang tính chất định hướng và sẽ được xác định cụ thể hóa trong quá trình triển khai lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, lập dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt
42		BĐX kết hợp trong khu HH2 - ô A2, vị trí hiện tại là công ty Dệt Kim Đông Xuân số 67 Ngô Thì Nhậm	0	1	2,900	
43		BĐX kết hợp trong khu HH3 - ô A3, vị trí hiện tại là công ty CP Cồn Ruợu Hà Nội số 94 Lò Đức	0	1	5,000	
44		BĐX kết hợp trong khu HH3 - ô A3, vị trí hiện tại là công ty CP Cồn Ruợu Hà Nội số 94 Lò Đức	0	1	6,000	
45		BĐX kết hợp trong khu HH3 - ô A3, vị trí hiện tại là công ty CP Cồn Ruợu Hà Nội số 94 Lò Đức	0	1	6,400	
46		BĐX kết hợp trong khu HH6 - ô A2, vị trí hiện tại là khu tập thể Nguyễn Công Trứ	0	1	3,750	
47		BĐX kết hợp trong khu HH7 - ô A2, vị trí hiện tại là khu tập thể Nguyễn Công Trứ	0	1	6,300	
48		BĐX ngầm dưới đường Trần Khát Chân	0	2	5,500	
49		BĐX ngầm dưới đường Trần Khát Chân	0	2	5,500	
50		BĐX ngầm dưới phố Tăng Bạt Hổ	0	2	5,100	

TT	Loại công trình	Vị trí/Địa điểm	Diện tích đất (m ²)	Quy mô công trình ngầm		Ghi chú
				Số tầng hầm (tầng)	Tổng diện tích sàn (m ²)	
51	Bãi đỗ xe ngầm	BĐX ngầm dưới vườn hoa Pasteur	0	3	17,550	- Theo Quy hoạch chung không gian xây dựng ngầm đô thị trung tâm thành phố Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 - Các chỉ tiêu thống kê tại phụ lục chỉ mang tính chất định hướng và sẽ được xác định cụ thể hóa trong quá trình triển khai lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, lập dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt
52		BĐX ngầm dải đất phía Nam đường Đại Cồ Việt	0	3	15,450	
53		BĐX kết hợp trong khu CCĐT4 - ô B1	0	1	6,700	
54		BĐX ngầm dưới SVĐ Bách Khoa	0	2	42,400	
55		BĐX kết hợp trong khu CC5 - ô B2, giáp đường Bạch Mai	0	1	1,750	
56		BĐX kết hợp trong khu CC9 - ô B2, giáp đường Minh Khai	0	1	3,100	
57		BĐX ngầm trong CV tuổi trẻ, vị trí giáp đường Trần Khát Chân	0	3	30,000	
58		BĐX ngầm trong CV Tuổi Trẻ, vị trí giáp đường Kim Ngưu	0	3	20,000	
59		BĐX ngầm trong CV Tuổi Trẻ, vị trí giáp đường Thanh Nhân	0	3	15,000	
60		BĐX kết hợp trong khu CX1 - ô C2, vị trí hiện tại là cty Khóa Minh Khai	0	2	3,750	
61		BĐX kết hợp trong khu HH2 - ô c2, vị trí hiện tại là cty Khóa Minh Khai	0	1	15,000	
62		BĐX kết hợp trong khu CX2 - ô C3, vị trí hiện tại là KTT Quỳnh Mai	0	2	15,000	
63		BĐX kết hợp trong khu HH2 - ô C3, vị trí hiện tại là cty CP ô tô TMT	0	1	8,000	

TT	Loại công trình	Vị trí/Địa điểm	Diện tích đất (m ²)	Quy mô công trình ngầm		Ghi chú
				Số tầng hầm (tầng)	Tổng diện tích sàn (m ²)	
64	Bãi đỗ xe ngầm	BĐX kết hợp trong khu HH5 - ô C3, vị trí hiện tại là cty CPTMXD Vietracimex	0	1	9,000	- Theo Quy hoạch chung không gian xây dựng ngầm đô thị trung tâm thành phố Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 - Các chỉ tiêu thống kê tại phụ lục chỉ mang tính chất định hướng và sẽ được xác định cụ thể hóa trong quá trình triển khai lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, lập dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt
65		BĐX kết hợp trong khu CXĐT1 - ô D2, vị trí hiện tại là XN xe buýt Hà Nội	0	2	16,800	
66		Trong công viên Nhân Chính	16,530	4	66,150	
67		Dưới dải cây xanh QH mặt đường Dương Đình Nghệ	10,000	4	30,000	
68		Ô quy hoạch A3	2,000	3	6,000	
69		Ô quy hoạch A3	2,000	3	6,000	
70		Ô quy hoạch F1	2,000	3	6,000	
71		Ô quy hoạch F1	2,000	3	6,000	
72		Ô quy hoạch 9.1	2,000	3	6,000	
73		Ô quy hoạch 11.2	3,000	3	9,000	
74		Ô quy hoạch 11.3	3,000	3	9,000	
75		Ô quy hoạch 11.3	3,000	3	9,000	
76		Ô quy hoạch 13.1	2,000	3	6,000	
77		Ô quy hoạch 14.1	2,500	3	7,500	
78		Ô quy hoạch 18.1	3,000	3	9,000	
	TỔNG CỘNG: 78 CÔNG TRÌNH		264,273		1,002,750	
79	Công trình công cộng ngầm	Xây dựng khai thác không gian ngầm Quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục				Các thông tin tại phụ lục chỉ mang tính chất định hướng và sẽ được xác định cụ thể hóa trong quá trình triển khai lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, lập dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt
80	Dự án Cải tạo không gian khu vực TOD phía đông Hồ Hoàn Kiếm					
	TỔNG CỘNG: 02 CÔNG TRÌNH					

PHỤ LỤC III

Danh mục các tuyến phố hạ ngầm hệ thống đường dây, cáp viễn thông, điện lực và các công trình ngầm HTKT dùng chung

(Kèm theo Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày/...../2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

TT	Tên tuyến phố	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Ghi chú
1	Đội Nhân + ngõ 6, 8	Đốc Ngừ	Cuối phố	500	Các thông tin, số liệu tại phụ lục chỉ mang tính chất định hướng và sẽ được xác định cụ thể hóa trong quá trình triển khai lập dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt.
2	Vĩnh Phúc	Hoàng Hoa Thám	Cuối phố	600	
3	Vạn Bảo	Kim Mã	Đội Cấn	550	
4	Thanh Báo -Yên Thế	Sơn Tây, Nguyễn Thái Học	Nguyễn Thái Học, Quán Thánh	280	
5	Khu 7,2 ha	Hoàng Hoa Thám	Các tuyến đường nội khu	5,000	
6	Mương T2C Đại Yên	Đội Cấn	Ngõ 173 Hoàng Hoa Thám	800	
7	Yên Ninh	Phạm Hồng Thái	Cuối phố	300	
8	Chợ Khâm Thiên	Khâm Thiên	Xã Đàn	800	
9	An Trạch	Hào Nam	Cát Linh	520	
10	Kim Hoa	La Thành	Xã Đàn	570	
11	Trần Quý Cáp	Nguyễn Khuyến	Cuối phố	400	
12	Đê La Thành - La Thành	Kim Hoa	Giảng Võ	2,300	
13	Cầu Mới	Nguyễn Trãi	Đường Láng	400	
14	Vĩnh Hồ	Thái Thịnh	Tây sơn	480	
15	Y Miếu	Nguyễn Như Đỗ	Ngõ Ngõ Sĩ Liên	200	
16	Ô Đồng Lâm	Đường Lê Duẩn	Cuối đường	1,000	
17	Trần Hữu Tước	Nguyễn Lương Bằng	Hồ Đắc Di	640	
18	Nguyễn Như Đỗ - Ngõ Sỹ Liên	Trần Quý Cáp, Nguyễn Khuyến	Quốc Tử Giám	358	
19	Nguyễn Văn Tuyết (Tuyến chợ đêm)	Tây Sơn	Yên lãng	838	
20	Hương Viên - Thọ Lão	Thọ Lão	Lò Đúc	700	
21	Bùi Ngọc Dương - Hồng Mai - Quỳnh Lôi - Quỳnh Mai - Phố 8/3	Bạch Mai, Thanh Nhàn	Minh Khai, Kim Nguu	2,000	
22	Chùa Vua - Lê Gia Định - Đồng Nhân - Trần Cao Vân	Thịnh Yên, Đỗ Ngọc Du	Trần Khát Chân	1,428	

TT	Tên tuyến phố	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Ghi chú
23	Mạc Thị Bưởi (Minh Khai - Ngõ 61 Lạc Trung)	Minh Khai	Ngõ 61 Lạc Trung	450	Các thông tin, số liệu tại phụ lục chỉ mang tính chất định hướng và sẽ được xác định cụ thể hóa trong quá trình triển khai lập dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt.
24	Minh Khai - Ngõ Hòa Bình 6, ngõ 7 - Ngõ Tự Do	Nguyễn Khoái	Giải Phóng	5,500	
25	Nguyễn Hiền (ngõ 37 Lê Thanh Nghị - Tạ Quang Bửu)	Ngõ 37 Lê Thanh Nghị	Tạ Quang Bửu	570	
26	Bùi Thị Xuân	Trần Nhân Tông	Nguyễn Du	190	
27	Nguyễn Cao - Cẩm Hội;	Lò Đức; Trần Nhân Tông	Nguyễn Huy Tụ; Nguyễn Du	735	
28	Yên Lạc	Kim Ngưu	Cuối phố	452	
29	Tam Trinh (Phía Tây giáp cơ khí Mai Động cũ)	Minh Khai	Ngõ 1 Mai Động	1,000	
30	Đội Cung	Bà Triệu	Cuối phố	80	
31	Thiên Quang	Trần Bình Trọng	Yết Kiêu	180	
32	Tương Mai	131 Nguyễn An Ninh	Giải Phóng	350	
33	Yết Kiêu	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Thượng Hiền	500	
34	Ngõ Bà Triệu	Bà Triệu	Tô Hiến Thành	300	
35	Tam Đa	Nguyễn Đình Thi	Hoàng Hoa Thám	200	
36	Tứ Liên	Ấu Cơ	Đê quai Tứ Liên	520	
37	Khuong Đình	Nguyễn Trãi	Kim Giang	1,350	
38	Phương Liệt	Giải Phóng	Trường Chinh	830	
39	Bùi Xương Trạch - Khuong Trung	Định Công Thượng	Giải Phóng	2,200	
40	Quan Nhân	Vũ Trọng Phụng	Nguyễn Ngọc Vũ	1,260	
41	Tô Vĩnh Diện - Hoàng Văn Thái	Vương Thừa Vũ	Ngõ 97 Khuong Trung	1,520	
42	Nguyễn Ngọc Nại	Vương Thừa Vũ	Hoàng Văn Thái	740	
43	Nguyễn Viết Xuân	Lê Trọng Tấn	Nguyễn Ngọc Nại	416	
44	Trung Hòa (Đoạn từ Trần Duy Hưng - ngõ 42 Trung Hòa) - Nguyễn Thị Định	Trần Duy Hưng	Ngõ 42 Trung Hòa	1,000	

TT	Tên tuyến phố	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Ghi chú
45	Hoa Bằng (bao gồm ngõ 381 Nguyễn Khang)	Yên Hòa	Ngõ 381 Nguyễn Khang	450	Các thông tin, số liệu tại phụ lục chỉ mang tính chất định hướng và sẽ được xác định cụ thể hóa trong quá trình triển khai lập dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt.
46	Nguyễn Khang cũ	Cầu Cốt	Ngõ 87 phố Nguyễn Khang mới	870	
47	Trần Quốc Vượng	Xuân Thủy	Phạm Hùng	745	
48	Chùa Hà	Cầu Giấy	Tô Hiệu	800	
49	Trần Tử Bình và Ngõ 2 Hoàng Quốc Việt	Hoàng Quốc Việt	Tô Hiệu	730	
50	Ngõ 68 phố Cầu Giấy	Cầu Giấy	Ngõ 143 phố Quan Hoa	550	
51	Nghĩa Đô (Ngõ 100 Hoàng Quốc Việt cũ)	Hoàng Quốc Việt	Chung cư Đông Đô	400	
52	Nguyễn Khả Trạc	Trần Vỹ	Cuối phố	485	
53	Đông Quan	Quan Hoa	Ngõ 2 đường 800A	300	
54	Nguyễn Công Thái	KĐT mới Đại Kim	Đền mẫu Đầm Sen	430	
55	Hồng Quang	Bờ sông Lừ	Cuối phố (ngõ 192 Đại Từ)	320	
56	Kim Giang	Khuong Đình	Nghiêm Xuân Yên	3,000	
57	Nguyễn Thái Học	Quang Trung	Phan Huy Chú	350	
58	Bê Văn Đàn	Quang Trung	Nguyễn Thái Học	620	
59	Lê Hồng Phong	Tô Hiệu mới	Lê Lợi	830	
60	Tô Hiệu cũ	Tô Hiệu mới	Phùng Hưng	1,320	
61	Ao Sen	Trần Phú	Cuối phố	300	
62	Nguyễn Viết Xuân	Quang Trung	Cuối phố	1,100	
63	Nhuệ Giang	Cầu Trắng	Bà Triệu	800	
64	Bùi Bằng Đoàn	Bà Triệu	Nhuệ Giang	180	
65	Lê Lai	Lê Lợi	Bồ Hòa	500	
66	Tân Xuân	Đông Ngạc	Phạm Văn Đồng	1,560	
67	Đức Diên	Văn Tiến Dũng	Ngõ 193 Phú Diên	700	
68	Kẻ Giàn	Tân Xuân	Phạm Văn Đồng	350	
69	Nhật Tảo	Tân Xuân	An Dương Vương	1,000	
70	Đặng Thùy Trâm	Hoàng Quốc Việt	Phạm Tuấn Tài	400	
71	Phúc Minh	Võ Quý Huân	Cuối phố	700	

TT	Tên tuyến phố	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Ghi chú
72	Trần Cung	Ngã tư Trần Cung - Hoàng Quốc Việt	Đường Phạm Văn Đồng	1,640	Các thông tin, số liệu tại phụ lục chỉ mang tính chất định hướng và sẽ được xác định cụ thể hóa trong quá trình triển khai lập dự án đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt.
73	Phạm Hồng Thái	Hoàng Diệu	Ngõ Lạc Sơn	423	
74	Lê Lợi	Vườn hoa Sơn Tây	Quốc Lộ 32	650	
75	Chùa Thông	Chốt nghệ	Ngã 4 Viện 105	2,262	
76	Ngô Quyền - Phùng Hưng	Phùng Hưng, Phó Đức Chính	Ngô Quyền	812	
77	Hoàng Diệu - Trần Hưng Đạo	Nguyễn Thái Học, Phan Chu Trinh	Phùng Khắc Khoan, Ngô Quyền	862	
78	Phùng Khắc Khoan	Bru điện	Chốt Nghệ	822	
79	Trạng Trình	Phú Nhi	Đê Đại Hà	310	
80	Độc Ngừ	Lê Lợi	Trung Vương	350	
81	Đình Tiên Hoàng	Lê Lợi	Phùng Hưng	322	
82	Vân Gia	Quang Trung	Đền Và	1,500	
83	Đường Đền Và	Phú Thịnh	Cuối đường	1,600	
84	Phú Thịnh	Chốt Ngô Quyền	Cây xăng Văn miếu	1,300	
85	Hữu Nghị	Chợ Xuân Khanh	Công ty khí cụ điện I	950	
86	Mỹ Trung	Hữu Nghị	Nhà máy M3	1,200	
87	Tiền Huân	La Thành	Cuối phố	850	
88	Phù Sa	Phố Hồng Hà	Đình Phù Xa	700	
89	Quang Trung	Nguyễn Thái Học	Cầu Trì	1,500	
90	Cầu Trì	Quang Trung	Chùa Thông	800	
91	Bùi Thị Xuân	QL21	Tả Hùng	300	
92	Thanh Vị	Ngã 3 Vị Thủy (TL414)	Ngã tư Viện 105	3,000	
93	Sơn Lộc	Trường Sỹ quan Pháo Binh	QL21	2,000	
94	Tùng Thiện	Ngã tư Viện 105	Cầu Quan	2,000	
95	La Thành	Chốt Nghệ	Chốt Ngô Quyền	2,600	
TỔNG CỘNG: 95 TUYẾN				89,550	